

## Nông nghiệp Việt Nam

# sau 3 năm gia nhập Cộng đồng Kinh tế ASEAN

**C**ộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) chính thức có hiệu lực từ ngày 31/12/2015, mở ra một thị trường rộng lớn và thống nhất với hơn 625 triệu dân, quy mô kinh tế tính theo GDP đạt 2.600 tỷ USD. Bên cạnh đó, AEC cũng tạo ra những áp lực cạnh tranh không nhỏ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Bài viết tập trung phân tích các thành tựu của ngành nông nghiệp Việt Nam khi gia nhập ACE, cùng với các khó khăn, thách thức đặt ra, qua đó khuyến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả đối với các doanh nghiệp.

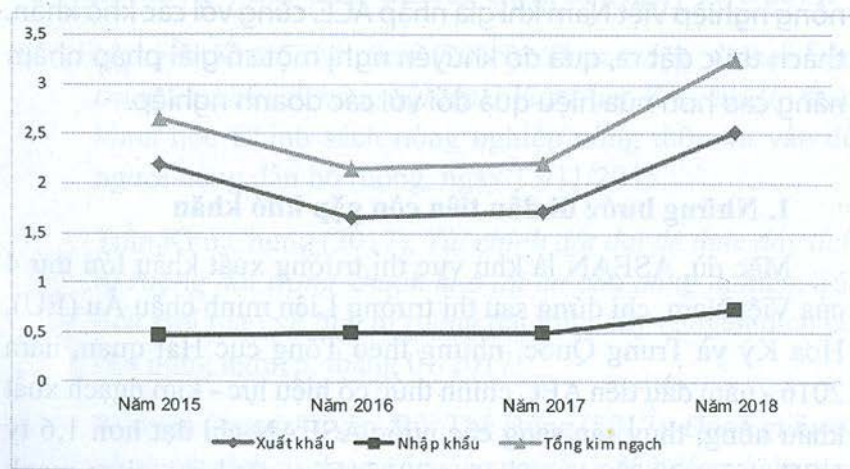
### 1. Những bước đi đầu tiên còn gặp khó khăn

Mặc dù, ASEAN là khu vực thị trường xuất khẩu lớn thứ 4 của Việt Nam, chỉ đứng sau thị trường Liên minh châu Âu (EU), Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhưng theo Tổng cục Hải quan, năm 2016 - năm đầu tiên AEC chính thức có hiệu lực - kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản sang các nước ASEAN chỉ đạt hơn 1,6 tỷ USD, giảm 20,3% so với năm 2015. Các mặt hàng giảm mạnh nhất đều là những sản phẩm chủ lực: Cao su (giảm 40,7%), gạo (giảm 48,8%), hạt tiêu (giảm 25,5%), sắn và các sản phẩm từ sắn (giảm 19,2%)... Đối với mặt hàng gạo, tính đến hết năm 2016, ba thị trường trọng điểm trong ASEAN sụt giảm nghiêm trọng về

sản lượng so với năm 2015, đó là: Philippines (giảm 65%), Malaysia (giảm 48,1%), Singapore (giảm 30,7%). Nguyên nhân của sự sụt giảm trên một phần do sản lượng giảm, ngoài ra còn do giá hàng nông sản như cà phê, cao su, sắn giảm mạnh. Cụ thể, trong năm 2016, giá cà phê giảm 21,2%, cao su giảm 12,5%, sắn giảm 14,4%. Riêng giá cà phê giảm đã làm cho kim ngạch xuất khẩu giảm tới gần 59 triệu USD. Năm 2016, trong 100% hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chỉ có khoảng 9,8% vào ASEAN, thấp hơn nhiều so với tỷ lệ xuất khẩu trung bình trong khu vực là 24%. Tương tự, tỷ lệ nhập khẩu của Việt Nam từ ASEAN khoảng 13,7%, trong khi trung bình khu vực là 22%.

### Tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng nông<sup>1</sup>, thủy sản Việt Nam - ASEAN, 2015 - 2018

Đơn vị: Tỷ USD



Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của Tổng cục Hải quan

1 Nông sản bao gồm chè, gạo, cà phê, cao su, hạt điều, sắn và sản phẩm từ sắn.

Các doanh nghiệp xuất khẩu gặp những khó khăn nhất định khi tham gia thị trường AEC. Nguyên nhân sâu xa là hoạt động sản xuất nông nghiệp trong thời gian qua chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhưng không đi kèm với việc cải tạo, tái tạo có hiệu quả. Điều này làm tăng mức độ ô nhiễm và suy yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên. Trong khi đó, ô nhiễm nước thải, khí thải ở các khu công nghiệp, làng nghề đang trực tiếp làm suy thoái môi trường, gây nguy hiểm cho sinh kế bền vững của người dân và làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản. Khi lợi thế thiên nhiên mất dần, sản lượng và chất lượng nông sản của Việt Nam sẽ giảm, năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế cũng suy yếu. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu đã và đang diễn ra, ảnh hưởng lớn đến nông nghiệp Việt Nam. Theo các kịch bản biến đổi khí hậu của Việt Nam, vào cuối thế kỷ 21 sẽ có khoảng 40% diện tích vùng đồng bằng sông Cửu Long, 11% diện tích vùng đồng bằng sông Hồng và 3% diện tích của các địa phương khác thuộc khu vực ven biển sẽ bị ngập nước. Khi đó sẽ có khoảng 10 - 12% dân số Việt Nam bị ảnh hưởng trực tiếp, với tổn thất khoảng 10% GDP. Mặt khác, số lượng các cơn bão, sự tàn phá của từng trận bão, thời tiết lạnh và nóng đã xuất hiện một cách bất thường. Dự báo các tỉnh Tây Nguyên và miền Trung sẽ bị hạn nhiều hơn; số đợt không khí lạnh, rét đậm, rét hại sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các tỉnh phía Bắc và Bắc Trung bộ.

Một trong những hạn chế của nông nghiệp Việt Nam chính là đội ngũ khoa học nông nghiệp còn hạn chế về năng lực nghiên cứu, thiếu cán bộ đầu ngành giỏi. Nhiều lĩnh vực khoa học - công nghệ như công nghệ sinh học thiếu nhân lực trình độ cao nên chậm được triển khai. Điều kiện vật chất, kỹ thuật của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo còn lạc hậu, không đồng bộ, dẫn đến việc đào

tạo nhân lực khoa học - công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa gắn lý thuyết với thực hành, thiếu các nghiên cứu chuyên sâu trên một đơn vị sản phẩm. Khoa học - công nghệ còn chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức, do vậy chưa tạo ra được các bước đột phá cho hoạt động sản xuất. Mức độ đầu tư toàn xã hội cho nông nghiệp thấp, mặc dù một số doanh nghiệp lớn đã bắt đầu chuyển sang đầu tư vào nông nghiệp nhưng nhìn chung vẫn còn rất ít, chỉ khoảng vài phần trăm; đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp không đáng kể. Việc xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao chậm chuyển biến, chưa tạo đột phá để nâng cao giá trị gia tăng và tạo cơ sở vững chắc cho chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng hiệu quả bền vững. Thiết bị và công nghệ chế biến sau thu hoạch còn lạc hậu, kết cấu hạ tầng phục vụ bảo quản chế biến còn chưa phát triển, quy mô nhỏ, tỷ lệ hao hụt, thất thoát cao. Việt Nam chưa thực sự tận dụng tốt những ưu đãi thuế quan khi xuất khẩu sang thị trường khu vực thời gian qua. Sự hiểu biết của các doanh nghiệp xuất khẩu trong nước về AEC còn hạn chế. Chỉ có 46,79% doanh nghiệp chủ động tìm hiểu thông tin về AEC. Trong gần 94% doanh nghiệp biết về AEC thì chỉ có 16,4% thực sự hiểu rõ về những cam kết khu vực kinh tế thương mại này. Theo thống kê của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỷ lệ tận dụng ưu đãi Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) năm 2016 chưa cao, chỉ đạt 31,8%; tỷ lệ tận dụng ưu đãi trong Hiệp định ASEAN - Hàn Quốc đạt khoảng 60% trong năm 2015.

## 2. Những thành tựu quan trọng bước đầu

Gia nhập AEC đã mang lại cơ hội lớn cho các doanh nghiệp các nước thành viên có điều kiện tham gia vào chuỗi cung ứng

nông sản thế giới, đồng thời tăng cường thu hút đầu tư vào ngành nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ ngành nông nghiệp - những lĩnh vực hiện nay còn bỏ ngõ do thiếu nguồn lực. Bên cạnh đó, việc gia nhập AEC cũng là động lực thúc đẩy cải cách thể chế, môi trường kinh doanh trong nước. Những thay đổi này một mặt tạo ra môi trường kinh doanh bình đẳng, mặt khác đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải tự đổi mới nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh.

Sau bước đi đầu tiên còn nhiều khó khăn, bước sang năm 2017, tình hình xuất - nhập hàng nông sản của Việt Nam với thị trường ASEAN đã có những khởi sắc nhất định. Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch hàng hoá giữa Việt Nam và các nước ASEAN trong năm 2017 đạt 49,53 tỷ USD, tăng 19,6% so với năm 2016 và chiếm 11,7% tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu của cả nước. Trong đó, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu nông, thủy sản đạt 2,12 tỷ USD, chiếm 4,5% trong tổng kim ngạch hàng hóa trao đổi giữa Việt Nam với ASEAN. Riêng tổng kim ngạch xuất khẩu nông, thủy sản đạt 1,71 tỷ USD, tăng 0,06 tỷ USD so với năm 2016, tương đương với 3,5%, đây là con số đáng khích lệ khi năm 2016 xuất khẩu Việt Nam giảm 20,3%. Trong khi đó, tổng kim ngạch nhập khẩu nông, thủy sản tăng 0,01 tỷ USD. Ba thị trường xuất khẩu nông, thủy sản chủ lực trong khu vực ASEAN của Việt Nam là Malaysia, Philippines và Thái Lan có tổng kim ngạch lần lượt đạt 0,50 tỷ USD; 0,49 tỷ USD và 0,43 tỷ USD.

Năm 2018, xuất khẩu nông nghiệp của Việt Nam đạt thành tựu quan trọng. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, khu vực nông, lâm, thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2012 - 2018 đạt 3,76%. Tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản năm

2018 đạt 40,5 tỷ USD, tăng 9,6% so với năm 2017. Các thị phần xuất khẩu đều được duy trì, củng cố và mở rộng, 5 thị trường xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính của Việt Nam là Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nhật Bản, ASEAN và Hàn Quốc đều tăng trưởng, trong đó thị trường ASEAN chiếm thị phần 10,64% (tăng 11% so với năm 2017). Đáng chú ý là bên cạnh những thị trường xuất khẩu chủ lực truyền thống thì đã xuất hiện thêm thị trường mới như Indonesia. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng nông, thủy sản sang 4 quốc gia ASEAN có giá trị cao nhất là Philippines, Indonesia, Malaysia và Thái Lan. Trong các mặt hàng nông nghiệp, thủy sản có đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tính đến hết tháng 12/2018, tổng giá trị xuất khẩu cá tra của Việt Nam sang thị trường ASEAN đạt 206,2 triệu USD (tăng 41,5% so với cùng kỳ năm 2017). Trong đó, xuất khẩu sang ba thị trường lớn nhất là Thái Lan, Singapore và Philippines tăng tích cực, đạt lần lượt 48,8%; 20,7% và 32,1% so với năm 2017.

### **3. Đưa nông nghiệp Việt Nam hội nhập thành công vào AEC**

Để tận dụng được những lợi thế và cơ hội từ việc tham gia AEC, cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh cần thiết cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia sâu rộng hơn vào sân chơi quốc tế, cần có những giải pháp đồng bộ từ Chính phủ và cơ quan hữu quan, trong đó chú trọng một số giải pháp sau:

(1) Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho ngành nông nghiệp theo hướng quy hoạch rõ các vùng sản xuất, tạo ra sự liên kết vùng nhằm mở rộng quy mô sản xuất, chế biến sản phẩm theo hướng bán công nghiệp và công

nghiệp, giảm thiểu được tình trạng sản xuất - kinh doanh manh mún, nhỏ lẻ; chú trọng các chính sách về khuyến khích đầu tư khoa học - công nghệ và nâng cao chất lượng lao động. Các địa phương cần tăng cường công tác phòng chống bệnh dịch, kiểm soát vệ sinh dịch tễ cho các khu vực sản xuất nông nghiệp, đồng thời chú trọng công tác vệ sinh môi trường vùng, khu vực sản xuất nông nghiệp, nhất là đối với ngành chăn nuôi; xây dựng, củng cố mạng lưới tổ chức thú y từ tỉnh đến cơ sở, thực hiện tốt các quy định của pháp luật, đảm bảo an toàn cho sản xuất. Bên cạnh đó, ngành nông nghiệp cũng cần tăng cường công tác tập huấn chuyển giao khoa học, kỹ thuật và công nghệ cho các cán bộ cũng như các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh nông nghiệp, nhất là các doanh nghiệp xuất khẩu.

Nhà nước cần tiến hành các hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư tạo các kết nối cần thiết ở cấp quốc gia và doanh nghiệp với các nước trong khu vực nhằm tăng cường khả năng tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Các cơ quan, ban ngành liên quan cũng cần nghiên cứu, phổ biến những quy định mới, sự thay đổi trong chính sách của các nước trong khu vực trong việc nhập khẩu hàng hóa để các doanh nghiệp kịp thời cập nhật, điều chỉnh hoạt động cho phù hợp, giúp các doanh nghiệp thâm nhập tốt hơn vào thị trường các nước.

(2) Tái cơ cấu nông nghiệp gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng cần tiếp tục được thực hiện theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, quy hoạch nông nghiệp dựa vào thị trường mở và bảo tồn diện tích đất nông nghiệp. Tái cơ cấu đầu tư công và dịch vụ công trong nông nghiệp cần được đẩy mạnh, tạo ra môi trường thuận lợi, hiệu quả và bền vững cho chuỗi giá trị nông sản dựa

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

trên lợi thế so sánh của từng vùng, từng địa phương; tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, có khả năng cạnh tranh và thị trường tiêu thụ; đa dạng hóa thị trường, cả trong nước lẫn xuất khẩu; đầu tư phát triển nhân lực trong nông nghiệp.

Quy hoạch phát triển nông nghiệp phải được thực hiện cả trong trung hạn và dài hạn để có chiến lược bảo tồn và sử dụng các tài nguyên nông nghiệp hiệu quả. Đối với loại đất nông nghiệp, cần tạo điều kiện cho người sử dụng đất quyết định phương thức sử dụng từng loại đất phù hợp theo tín hiệu thị trường hơn là cố định phương thức sử dụng cho từng loại đất. Nông dân có thể chuyển sang trồng hoa, cây cảnh, rau màu, các nông sản khác có giá trị hơn theo tín hiệu thị trường.

(3) Các biện pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu cần được thực thi kịp thời, hiệu quả. Trong thời gian tới, Nhà nước cần tập trung nâng cao năng lực quản lý và ứng phó rủi ro liên quan đến thời tiết và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, cũng như các rủi ro về thị trường; cải thiện hệ thống dự báo, cảnh báo sớm và gắn kết hệ thống này với dịch vụ tư vấn nông nghiệp; thay đổi phương pháp canh tác và lựa chọn giống phù hợp với các vùng đất có những biến đổi khác nhau về khí hậu; nâng cao năng lực nghiên cứu và phát triển để có thể giải quyết những thách thức mới nảy sinh của quá trình biến đổi khí hậu và nước biển dâng; thúc đẩy phát triển thị trường bảo hiểm nông nghiệp, tăng cường khả năng ứng phó của nông dân đối với rủi ro, bảo đảm nông nghiệp ít có sự tác động xấu của biến đổi khí hậu.

(4) Ngành nông nghiệp cần tăng cường liên kết sản xuất, theo đó liên kết ngang trong ngành để tạo ra các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp mũi nhọn, thu hút các vệ tinh là các hộ chăn nuôi, trồng trọt nhỏ hoặc các doanh nghiệp nhỏ, quy hoạch thành các



vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, trồng trọt; cụm công nghiệp dịch vụ hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt. Liên kết dọc đẩy mạnh liên kết sản xuất theo chuỗi khép kín. Một doanh nghiệp lớn quản lý toàn bộ chuỗi cung ứng từ đầu vào, sản xuất, chế biến, đóng gói, phân phối và bán lẻ, ở mỗi mắt xích sẽ quyết định tự cung tự cấp hoặc thuê bên ngoài dựa vào khả năng cạnh tranh về giá. Liên kết như vậy giúp giảm chi phí trung gian, ổn định đầu vào đầu ra, không chỉ tận dụng lợi ích kinh tế nhờ quy mô mà còn giúp giảm ô nhiễm môi trường do các loại rác thải được tập trung xử lý qua nhà máy hoặc tái chế làm thức ăn, phân bón, sản xuất điện.

Sản xuất nông nghiệp cần gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích hình thức hợp tác, liên kết sản xuất với vai trò trung tâm của doanh nghiệp để phát triển hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các hội chợ để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, công nghệ; tăng cường kết nối giữa sản xuất và tiêu dùng thông qua các doanh nghiệp đầu mối, các siêu thị, chợ, cửa hàng... để đưa sản phẩm đến người tiêu dùng thuận lợi.

(5) Các doanh nghiệp cần nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh, chủ động, sáng tạo, không ngừng tự đổi mới, xây dựng chiến lược kinh doanh cụ thể để thâm nhập thị trường. Theo đó, để hàng hóa, sản phẩm Việt Nam xuất đi các thị trường, doanh nghiệp cần có chiến lược kinh doanh, theo sát xu hướng tiêu dùng của người dân mỗi nước ASEAN, liên kết với các nhà phân phối nội địa uy tín, có năng lực... Đây là việc làm quan trọng bởi sản phẩm của mỗi nước, mỗi doanh nghiệp đều nằm trong chuỗi giá trị của khu vực hay chuỗi giá trị toàn cầu.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần chủ động đổi mới khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, năng lực khoa học

công nghệ trong sản xuất cũng như chế biến sản phẩm; nghiên cứu, áp dụng thành tựu khoa học của thế giới vào sản xuất nhằm đáp ứng các yêu cầu khắt khe về kiểm soát hàng hóa nhập khẩu cũng như đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần chủ động, tích cực tìm kiếm các thị trường mới trong khu vực, trang bị các kiến thức về pháp lý, kỹ thuật hoặc các điều kiện cần thiết xuất khẩu hàng hóa vào các nước Đạ O Hời. Đây là khu vực thị trường giàu tiềm năng nhưng còn bỏ ngỏ trong thời gian qua.

**Trần Thị Hà**

## Tài liệu tham khảo

1. Ban Tài chính quốc tế và Chính sách hội nhập, Viện Chiến lược và Chính sách tài chính (2016), *Nghiên cứu khảo sát, đánh giá tác động của việc tham gia AEC đến các ngành/lĩnh vực kinh tế của Việt Nam*, Chương trình nghiên cứu khảo sát cấp viện năm 2016.
2. Tạ Thị Đoàn (2017), *Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*, Tạp chí Tài chính, tháng 9/2017.
3. Trần Thị Hà (2018), *Các giải pháp tài khóa của Việt Nam nhằm ứng phó với tình hình khí hậu biến đổi ngày càng phức tạp*, Kỷ yếu Hội thảo, tháng 7/2018.